

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Đ. Khương

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Thanh

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Nguyễn Châu

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
Thị Thanh Thủy

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Phạm Ngọc

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
T.T. Ánh Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030213	Trần Công Trường	An	22/04/2005	CCQ2303F	01		6.7		5.6	6.2	7.9	6.9	
2	2123030045	Nguyễn Thế	Anh	11/01/2005	CCQ2303B	04		4.7		1.0	2.9	6.2	4.2	
3	2123030035	Kiều Lê Duy	Bảo	18/04/2005	CCQ2303A	01		4.3		5.9	5.1	8.2	6.3	
4	2123270128	Nguyễn Quốc	Bảo	15/07/2005	CCQ2327D	04		4.8		5.0	4.9	8.4	6.3	
5	2123030201	Nguyễn Văn	Cảnh	11/01/2005	CCQ2303F	01		4.3		3.6	4.0	7.0	5.2	
6	2123030066	Phạm Văn	Đạt	07/08/2005	CCQ2303B	04		4.1		2.8	3.4	9.6	5.9	
7	2123030216	Chau Sô	Dinh	10/12/2004	CCQ2303F	01		3.5		5.4	4.5	7.9	5.9	
8	2123030006	Trịnh Hoàng Công	Đức	27/02/2005	CCQ2303A	02		3.6		3.2	3.4	7.5	5.0	
9	2123030059	Lê Chí	Dũng	01/04/2005	CCQ2303B									
10	2123030021	Nguyễn Ngọc	Dũng	03/03/2005	CCQ2303A	02		6.6		5.7	6.2	7.0	6.5	
11	2123030220	Nguyễn Tấn	Dũng	26/02/2005	CCQ2303F	03		6.1		5.0	5.6	7.1	6.2	
12	2123030004	Thái Hải	Dương	29/12/2005	CCQ2303A	02		4.9		3.3	4.1	0.0	2.5	
13	2123030052	Hồ Sĩ Ngọc	Duy	18/08/2005	CCQ2303B	03		3.8		1.2	2.5	8.9	5.1	
14	2123030204	Nguyễn Vũ	Duy	20/05/2005	CCQ2303F	03		6.2		5.9	6.1			
15	2123030227	Đặng Đình	Hiếu	10/08/2005	CCQ2303A									
16	2123030206	Châu Khánh	Hòa	06/09/2005	CCQ2303F	03		5.7		6.2	6.0	6.9	6.4	
17	2123030010	Vương Trung	Hội	20/01/2005	CCQ2303A	02		5.5		2.8	4.2	6.8	5.2	
18	2123030050	Nguyễn Phi	Hùng	30/01/2005	CCQ2303B	03		4.7		2.5	3.6	5.9	4.5	
19	2123030038	Mai Bá	Huyền	01/11/2005	CCQ2303B	02		5.3		5.3	5.3	7.5	6.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 22

Phòng thi: B101

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 10g45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi:

Hoàng Thị Thanh

Nguyễn N. Châu

Thầy Nguyễn Văn Lê

T. T. A. Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030025	Trần Khang	Hy	23/01/2002	CCQ2303A	04	Hy	6.4	Hy	5.0	5.7	7.0	6.2	
21	2123030061	Đặng Minh	Kha	02/06/2005	CCQ2303B	01	Kha	5.2	Kha	7.6	6.4	7.0	6.6	
22	2123030171	Tạ Văn	Khải	23/02/2004	CCQ2303E	04	Khải	3.9		0	0	3.9	1.6	
23	2123030051	Quách Tuấn	Kiệt	09/07/2005	CCQ2303B	01	Kiệt	7.2	Kiệt	7.0	7.1	8.1	7.5	
24	2123030005	Trần Khải	Long	07/04/2005	CCQ2303A	04	Long	5.0	Long	5.5	5.3	6.5	5.8	
25	2123030060	Lê Quang	Luật	05/09/2005	CCQ2303B									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

K: 2
D: 19

Cán bộ coi thi 1

sr
V.T. Q. Anh

Cán bộ coi thi 2

Horad
H. T. Ga

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Nghe
N. N. Châu

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
Thi
Thi. Thanh Thủy

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Thi
Thi. Thanh Thủy

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
Thi
Thi. Thanh Thủy

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-23

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123270123	Phan Bá	Mạnh	21/05/2005	CCQ2327D	02	<i>Manh</i>	3.9	<i>Manh</i>	6.5	5.2	6.9	5.9	
2	2123030199	Nguyễn Thanh	Phúc	15/12/2005	CCQ2303A	03	<i>P</i>	4.3	<i>cc</i>	3.0	3.7	6.4	4.8	
3	2123030023	Phan Thiên	Phước	02/05/2005	CCQ2303A	04	<i>Phu</i>	4.9	<i>Phu</i>	5.0	5.0	5.6	5.2	
4	2123030217	Lý Sa	Phượng	01/02/2005	CCQ2303F	01	<i>Phuong</i>	6.4	<i>phuong</i>	6.8	6.6	7.4	6.9	
5	2123030214	Nguyễn Tiến	Quang	05/05/2005	CCQ2303F	02	<i>Quang</i>	6.1	<i>Quang</i>	2.5	3.8	5.9	4.6	
6	2123270132	Phạm Lê Như	Quỳnh	08/04/2005	CCQ2327D	03	<i>Quynh</i>	2.2	<i>Quynh</i>	2.5	3.8	5.9	4.6	
7	2123030014	Võ Đình	Sơn	23/07/2005	CCQ2303A	04	<i>Son</i>	6.3	<i>Son</i>	5.7	6.0	8.4	7.0	
8	2123190094	Nguyễn Dương Nhật	Thắng	25/07/2005	CCQ2319C	01	<i>Thang</i>	7.4	<i>Thang</i>	7.7	7.6	9.8	8.5	
9	2123030034	Đỗ Minh	Thành	07/12/2005	CCQ2303A	02	<i>Th</i>	7.4	<i>Th</i>	6.6	7.0	9.5	8.0	
10	2123190101	Nông Thị Phương	Thảo	20/04/2005	CCQ2319C	03	<i>Thao</i>	8.9	<i>Thao</i>	7.5	8.2	9.4	8.7	
11	2123190103	Nguyễn Thị Mai	Thị	20/11/2005	CCQ2319C	04	<i>Thi</i>	7.1	<i>Thi</i>	6.1	6.6	9.9	7.9	
12	2123030245	Nguyễn Quốc	Thịnh	02/06/2005	CCQ2303E							✓	✓	
13	2123190109	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	08/08/2005	CCQ2319A	02	<i>Th</i>	6.6	<i>Th</i>	5.0	5.8	7.3	6.4	
14	2123190095	Phạm Thị Anh	Thư	26/04/2005	CCQ2319C	03	<i>Th</i>	7.7	<i>Th</i>	5.7	6.7	9.7	7.9	
15	2123030192	Nguyễn Văn	Thuận	31/05/2005	CCQ2303F									
16	2123190112	Lê Thị	Thương	06/07/2005	CCQ2319B	01	<i>Thuong</i>	5.7	<i>Thuong</i>	6.0	5.9	8.9	7.1	
17	2123190111	Nguyễn Thanh	Thủy	06/11/2005	CCQ2319B	02	<i>Thuy</i>	8.0	<i>Thuy</i>	6.3	7.2	7.7	7.4	
18	2123190104	Võ Ngọc Cẩm	Tiến	02/05/2005	CCQ2319C	03	<i>Tien</i>	8.1	<i>Tien</i>	6.5	7.3	7.9	7.5	
19	2123030028	Trần Thanh	Toàn	29/07/2004	CCQ2303A	04	<i>Toan</i>	5.9	<i>Toan</i>	7.0	6.5	7.0	6.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

DL
V.T.Q.AS

Cán bộ coi thi 2

loant
H.N.T.G.A

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Hoachal
N.N.Châu

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Thuy
T.T.Thanh Thuy

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phy M. L
Phy M. L

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Lahe
T.T.Đi Hương

Môn học: Anh văn 1 (22400305)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 21

Phòng thi: B102

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 19h45

Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030013	Trần Khánh	Trường	03/03/2005	CCQ2303A	01	<i>Tran</i>	7.1	<i>Tran</i>	4.5	58	6.9	62	
21	2123030049	Vì Văn	Tú	21/01/2005	CCQ2303B									
22	2123030178	Nguyễn Anh	Tuấn	04/03/2004	CCQ2303E							0.0		
23	2123030055	Nguyễn Quang	Vinh	27/06/2005	CCQ2303B	04	<i>Vinh</i>	4.4	<i>Vinh</i>	4.1				
24	2123030027	Phạm Thành	Vương	10/05/2005	CCQ2303A	01	<i>Pham</i>	8.3	<i>Pham</i>	5.6	70	8.5	76	
25	2123190089	Đoàn Thanh	Vy	18/08/2005	CCQ2319C	02	<i>Doan</i>	9.7	<i>Doan</i>	8.5	91	10.0	95	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Đ: 17
H: 03

C. Hoa

48

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200433	Lê Thị Ngọc	Anh	09/12/2005	CCQ2320E	02	Ng	4.2	Ng	3.6	2.9	5.3	4.5	
2	2123030187	Lê Xuân Hoàng	Anh	21/03/2005	CCQ2303F	01	Anh	5.7	Anh	6.7	6.2	6.8	6.4	
3	2123030109	Hồ Gia	Bảo	13/10/2005	CCQ2303D									
4	2123200379	Huyền Dzy	Bảo	24/02/2003	CCQ2320D	04	B	6.4	B	6.1	6.3	7.4	6.7	
5	2123200314	Nguyễn Huy	Bảo	09/08/2005	CCQ2320D									
6	2123030154	Nguyễn Thái	Bảo	16/06/2005	CCQ2303E	03	Bao	3.3	Bao	4.1	3.7	6.1	4.7	
7	2123200344	Phan Thị	Bán	18/09/2005	CCQ2320D							1.0		
8	2123200337	Bùi Bảo	Đa	28/11/2005	CCQ2320D	04	Đa	1.4	Đa	5.1	4.8	7.1	5.7	
9	2123030104	Hoàng Minh	Đạt	01/01/2005	CCQ2303C	09	Đ	6.9	Đ	4.1	5.5	0.0	3.3	
10	2123030122	Nguyễn Văn	Định	17/10/2003	CCQ2303D	02	Đinh	5.7	Đinh	7.4	6.6	9.0	7.6	
11	2123030093	Trần Thanh	Duy	20/12/2005	CCQ2303C	01	Ty	7.7	Ty	5.6	6.7			
12	2123200414	Đàm Thị Mỹ	Duyên	10/03/2005	CCQ2320E	04	Duyên	5.9	Duyên	7.2	6.6	8.7	7.4	
13	2123200434	Đặng Hoàng	Duyên	24/11/2005	CCQ2320E	03	DuyLoan	6.4	DuyLoan	7.7	7.1	6.3	6.8	
14	2123030097	Nguyễn Hoàng	Hải	11/01/2005	CCQ2303C									
15	2123200366	Đỗ Gia	Hân	27/05/2005	CCQ2320D	01	ghian	8.4	ghian	8.1	8.3	9.3	8.7	
16	2123030083	Lê Công	Hậu	08/11/2005	CCQ2303C	04	Ha	6.8	Ha	4.7	5.8	8.0	6.7	
17	2123030157	Nguyễn Xuân	Hùng	10/12/2005	CCQ2303E	03	Hung	6.0	Hung	2.5	4.3	6.1	5.0	
18	2123030082	Bùi Minh	Khang	21/01/2005	CCQ2303C									
19	2123030117	Nguyễn Tuấn	Kiệt	27/06/2005	CCQ2303D	02	Kiet	7.2	Kiet	6.6	6.9	6.8	6.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 20

Phòng thi: B103

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14/45

Số bài thi:

Phòng thi: D526

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030190	Đặng Phúc	Kính	20/03/2005	CCQ2303F	03	K	6.3	7.5	6.9	8.3	7.5	
21	2123030101	Nguyễn Duy	Lân	14/04/2005	CCQ2303C	04	Lân	6.2	7.0	6.6	8.2	7.2	
22	2123030141	Trịnh Bảo	Long	11/01/2005	CCQ2303D	01	Bao	8.0	8.5	8.3	8.5	8.4	
23	2123200216	Trần Thị Tuyết	Mai	03/04/2005	CCQ2320C	02	Mai	7.1	8.0	7.6	8.2	7.8	
24	2123030164	Trịnh Công	Nam	06/02/2005	CCQ2303E	03	Nam	7.3	7.9	7.6	9.0	8.2	
25	2123200313	Nguyễn Thị	Nga	27/01/2005	CCQ2320D	04	Nga	5.4	6.0	5.7	7.4	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

H: 21
H: 02

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200268	Phan Nguyễn Thảo	Nguyên	21/11/2004	CCQ2320C	04	Nguy	5.1	Nguy	7.2	6.2	6.9	6.5	
2	2123200372	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	01/08/2005	CCQ2320D	03	Nguy	6.3	Nguy	7.7	7.0	7.0	7.0	
3	2123200243	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/10/2005	CCQ2320C	02	Nhi	8.7	Nhi	8.2	8.5	9.4	8.7	
4	2123200258	Bùi Yến	Như	24/09/2002	CCQ2320C	01	Như	9.7	Như	8.1	8.9	9.7	9.2	
5	2123200267	Hà Thị Mỹ	Như	07/01/2005	CCQ2320C	04	Như	8.6	Như	3.8	6.2	7.5	6.7	
6	2123200336	Phan Thị Ánh	Như	27/02/2005	CCQ2320D	03	Như	7.4	Như	0.0	3.7	6.4	4.8	
7	2123200377	Trương Nhật Mỹ	Nhung	20/08/1999	CCQ2320D	02	Nhung	7.2	Nhung	5.4	6.3	7.8	6.9	
8	2123200225	Bùi Thị Thúy	Oanh	07/01/2001	CCQ2320C	01	Oanh	7.5	Oanh	8.9	8.2	9.1	8.6	
9	2123200330	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	05/10/2005	CCQ2320D	04	Oanh	6.7	Oanh	7.4	7.1	7.8	7.4	
10	2123200516	Nguyễn Thị Mỹ	Phong	26/01/2005	CCQ2320D	03	Phong	7.7	Phong	8.3	8.0	9.2	8.5	
11	2123030145	Nguyễn Bình	Phương	13/05/2005	CCQ2303E	02	Phuong	9.1	Phuong	7.9	8.5	9.5	8.9	
12	2123200323	Trần Hoàng	Quân	18/09/2004	CCQ2320D	01	Tran					1.1		
13	2123030110	Huỳnh Trọng	Tấn	22/08/2005	CCQ2303D	01	Tan	7.2	Tan	7.5	7.4	7.7	7.5	
14	2123030193	Lê Đức	Thắng	04/08/2005	CCQ2303F		Le							
15	2123200350	Nguyễn Quốc	Thắng	27/09/2005	CCQ2320D	04	Quoc	5.8	Quoc	4.4	5.1	6.4	5.6	
16	2123030186	Võ Hoàng	Thành	04/02/2005	CCQ2303F	03	Thanh	5.1	Thanh	6.5	6.6	6.4	6.2	
17	2123030221	Nguyễn Văn Hoàng	Thi	17/11/2005	CCQ2303F	02	Thi	6.2	Thi	7.6	6.9	8.0	7.3	
18	2123200365	Trần Thị Thanh	Thương	29/06/2005	CCQ2320D	04	Thuong	8.3	Thuong	6.4	7.4	7.6	7.5	
19	2123200356	Dương Thị Cẩm	Tiên	16/11/2005	CCQ2320D	02	Tien	6.2	Tien	6.7	6.5	8.4	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400307)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: B104

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030133	Hồ Minh Tiến	06/09/2005	CCQ2303D	01	Tiến	6.5	Tiến	8.3	7.4	8.3	7.8	
21	2123030108	Nguyễn Quốc Toàn	21/03/2005	CCQ2303D	04	Toàn	6.2	Toàn	5.8	6.0	7.6	6.6	
22	2123030075	Trần Hữu Toàn	29/05/2005	CCQ2303C	03	Toàn	4.5	Toàn	7.5	6.0	5.9	6.0	
23	2123030180	Nguyễn Quang Trí	11/06/2005	CCQ2303F	01	Trí	5.0	Trí	0.7	2.9	5.0	3.7	
24	2123200241	Nguyễn Quang Vinh	13/07/2005	CCQ2320C	01	Vinh	8.6	Vinh	4.6	6.6	6.0	6.4	
25	2123200375	Bùi Thị Tường Vy	22/12/2005	CCQ2320D	02	Vy	8.5	Vy	7.9	8.2	8.6	8.4	

A: 24

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Ngân

Phạm Kim Ngân

Cán bộ coi thi 2

Nam

T.T. Nam

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Thanh Loan

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Ng. Văn

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

L.T. Thảo

Môn học: Anh văn I (224003103)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 24

Phòng thi: B105

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 24

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123130025	Điền Ngọc Vy	Anh	13/10/2005	CCQ2313A	01	<i>Vy</i>	6,0	<i>Vy</i>	87	7,4	8,6	7,9
2	2123130070	Hồ Thị Minh	Anh	19/04/2005	CCQ2313C	02	<i>Anh</i>	5,8	<i>Anh</i>	89	7,4	8,4	7,8
3	2123200641	Lý Hoàng Thu	Anh	30/09/2005	CCQ2320G	03	<i>Thu</i>	8,8	<i>Thu</i>	81	8,5	9,6	8,9
4	2123130011	Nguyễn Thị Hồng	Anh	08/05/2005	CCQ2313A	04	<i>Hồng</i>	8,8	<i>Hồng</i>	82	8,5	9,2	8,8
5	2123200585	Phạm Thị Tố	Anh	10/03/1999	CCQ2320G	01	<i>Anh</i>	5,7	<i>Anh</i>	62	6,0	7,8	6,7
6	2123200633	Phạm Nguyễn Thành	Công	29/09/2005	CCQ2320G	02	<i>Ch</i>	5,7	<i>Ch</i>	63	6,0	7,5	6,6
7	2123130026	Mai Thị Bích	Diệp	12/01/2005	CCQ2313A	03	<i>Diệp</i>	5,2	<i>Diệp</i>	65	5,9	7,7	6,6
8	2123200619	Nguyễn Văn	Đồng	20/06/2005	CCQ2320G	04	<i>V</i>	6,9	<i>V</i>	49	5,9	8,3	6,9
9	2123200632	Phạm Ngọc	Dũng	01/11/1995	CCQ2320G	09	<i>ha</i>	8,2	<i>ha</i>	78	8,0	9,1	8,4
10	2123130016	Võ Trà Mỹ	Duyên	25/02/2005	CCQ2313A	10	<i>Duyên</i>	4,1	<i>Duyên</i>	69	5,5	8,2	6,6
11	2123130028	Trần Thị Ngọc	Hà	20/01/2005	CCQ2313A	11	<i>Ha</i>	6,3	<i>Ha</i>	82	7,3	8,3	7,7
12	2123130081	Bùi Ngọc Kim	Hoa	17/08/2005	CCQ2313B	04	<i>hoa</i>	6,2	<i>hoa</i>	66	6,4	8,1	7,1
13	2123200656	Nguyễn Thị Kim	Hoa	17/01/2005	CCQ2320G	03	<i>Hoa</i>	8,0	<i>Hoa</i>	77	7,9	9,0	8,3
14	2123130068	Huỳnh Kim	Hòa	23/02/2005	CCQ2313C	02	<i>H</i>	7,6	<i>H</i>	87	8,2	8,4	8,3
15	2123200651	Phạm Kim	Huệ	05/06/2005	CCQ2320G	03	<i>HT</i>	6,7	<i>HT</i>	80	7,4	8,1	7,7
16	2123130077	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/10/2005	CCQ2313C	04	<i>Hương</i>	7,9	<i>Hương</i>	80	8,0	8,8	8,3
17	2123130022	Vũ Thị Thu	Huyền	31/01/2001	CCQ2313A	01	<i>Thuy</i>	7,2	<i>Thuy</i>	88	8,0	9,3	8,5
18	2123130092	Lê Thị Như	Huỳnh	26/10/2005	CCQ2313C	02	<i>Như</i>	7,9	<i>Như</i>	80	8,0	8,6	8,2
19	2123200592	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	07/12/2005	CCQ2320G	03	<i>me</i>	6,0	<i>me</i>	79	7,0	9,1	7,8

21/01/2024

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phan Kim Ngân

T.T.T. Lam

Nguyễn Thanh Loan

Ng. H. T. Văn

Le T. Thew

Môn học: Anh văn 1 (224003103)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 24

Phòng thi: B105

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123130034	Lê Thị Thùy	Linh	10/05/2005	CCQ2313B	AV1-04	Linh	6,7	Linh	7,8	7,3	8.2	7,7	
21	2123200638	Lê Dư	Lộc	19/01/2004	CCQ2320G							0.0		
22	2123130058	Bùi Nữ Thiên	Lý	27/05/2005	CCQ2313B	AV1-02	Lý	7,8	<i>Th</i>	7,4	7,6	8.6	8,0	
23	2123200587	Trần Thị Thanh	Mại	10/09/2005	CCQ2320G	AV1-05	<i>Th</i>	5,3	<i>Th</i>	6,3	5,8	8.8	7,0	
24	2123130089	Nguyễn Thị Kim	Mẫn	01/11/2005	CCQ2313C	AV1-01	<i>M</i>	7,7	<i>M</i>	7,7	7,7	8.3	7,9	
25	2123120407	Nguyễn Phương Huyền	My	01/04/2000	CCQ2331B	AV1-01	<i>My</i>	6,5	<i>My</i>	5,4	6,0	7,7	6,7	

Đ: 24
H: 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003103)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B107

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 14

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123130033	Trần Thị Thanh	Ngân	26/03/2005	CCQ2313B	02	<i>[Signature]</i>	5,2	<i>[Signature]</i>	81	6,7	7,4	7,0	
2	2123130017	Hồ Thị Hồng	Ngọc	04/09/2005	CCQ2313A	03	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	80	7,1	8,8	7,8	
3	2123130021	Phan Thị Ngọc	Nhi	04/11/2005	CCQ2313A	04	<i>[Signature]</i>	8,1	<i>[Signature]</i>	82	8,2	9,2	8,6	
4	2123130075	Trần Thanh Yên	Nhi	13/03/2005	CCQ2313C	01	<i>[Signature]</i>	9,0	<i>[Signature]</i>	82	8,6	8,9	8,7	
5	2123130086	Trịnh Quỳnh	Nhi	08/05/2004	CCQ2313C	02	<i>[Signature]</i>	8,2	<i>[Signature]</i>	83	8,3	8,5	8,4	
6	2123130010	Phạm Thị Hồng	Như	25/01/2005	CCQ2313A	03	<i>[Signature]</i>	6,4	<i>[Signature]</i>	70	6,7	8,8	7,5	
7	2123200615	Nguyễn Minh	Phấn	29/10/2005	CCQ2320G	04	<i>[Signature]</i>	7,1	<i>[Signature]</i>	71	7,1	7,3	7,2	
8	2123200628	Huỳnh Nguyễn	Quốc	11/05/2005	CCQ2320G	01	<i>[Signature]</i>	5,2	<i>[Signature]</i>	83	6,8	7,6	7,1	
9	2123130014	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	05/10/2005	CCQ2313A	02	<i>[Signature]</i>	8,7	<i>[Signature]</i>	71	7,9	9,5	8,5	
10	2123200670	Trần Như	Quỳnh	02/11/2005	CCQ2320G	03	<i>[Signature]</i>	7,5	<i>[Signature]</i>	87	8,1	9,0	8,5	
11	2123200668	Châu Ngọc Song	Song	30/03/2005	CCQ2320G	04	<i>[Signature]</i>	8,5	<i>[Signature]</i>	95	9,0	10,0	9,4	
12	2123130048	Hồ Thị Phương	Thảo	09/01/2005	CCQ2313B	01	<i>[Signature]</i>	9,0	<i>[Signature]</i>	95	9,3	10,0	9,6	
13	2123130046	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23/08/2005	CCQ2313B	09	<i>[Signature]</i>	3,7	<i>[Signature]</i>	55	4,6	9,4	8,5	
14	2123130060	Võ Thị Anh	Thư	02/11/2005	CCQ2313B	04	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	82	4,6	8,0	6,0	
15	2123130007	Lê Nguyễn Mai	Thuy	14/06/2005	CCQ2313A	01	<i>[Signature]</i>	6,5	<i>[Signature]</i>	86	7,6	6,9	7,3	
16	2123130090	Vân Thị Huyền	Trần	27/04/2005	CCQ2313B	02	<i>[Signature]</i>	8,6	<i>[Signature]</i>	75	8,1	8,9	8,4	
17	2123130043	Nguyễn Vũ Kiều	Trình	19/07/2005	CCQ2313B	03	<i>[Signature]</i>	7,5	<i>[Signature]</i>	64	7,0	8,5	7,6	
18	2123200620	Trần Hồ Anh	Tuấn	15/01/2005	CCQ2320G	04	<i>[Signature]</i>	8,0	<i>[Signature]</i>	89	8,5	10,0	9,1	
19	2123200625	Phan Thị Hồng	Tuyến	17/10/2005	CCQ2320G	01	<i>[Signature]</i>	6,1	<i>[Signature]</i>	87	7,4	9,4	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003103)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 11

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 1

Phòng thi: B107

Số tờ giấy thi: 2

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi:

H. T. Phao' H. T. Phao' Nguyễn Thanh Tuấn Nguyễn Văn Lê Lê Tấn Thái

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123130083	Tường Thị Út	01/01/2005	CCQ2313C	02	Ut	5,6	Ut	7,7	6,7	8.2	7,3	
21	2123130005	Lê Hà Thuý	22/06/2005	CCQ2313A	03	Thuy	5,7	Thuy	5,7	5,7	7.5	6,4	
22	2123130047	Lê Thị Yến	14/09/2005	CCQ2313B	04	Yen	4,9	Yen	4,9	4,9	7.9	6,1	
23	2123130024	Trần Mộng Tường	18/09/2005	CCQ2313A	01	Vy	6,8	Vy	5,8	6,3	9.2	7,5	
24	2123130006	Nguyễn Phan Kiều	19/05/2003	CCQ2313A	02	Xa	6,9	Xa	8,3	7,6	9.2	8,2	
25	2123130004	Lê Thị Hoàng	17/06/2004	CCQ2313A									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003110)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 21

Phòng thi: B108

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 21

Phòng thi: D4-25

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123220047	Lâm Lê Bình	An	13/12/2005	CCQ2322B	01		5.6		1.2	3.4	6.4	4.6	
2	2123220092	Nguyễn Nhật	Anh	12/01/2004	CCQ2322C	03		7.9		8.2	8.1	8.2	8.1	
3	2123220045	Trần Gia	Bảo	10/01/2005	CCQ2322B	01		5.0		3.8	4.4	7.8	5.8	
4	2123220058	Lê Chánh	Bình	18/12/2005	CCQ2322B	03		6.4		6.0	6.2	6.9	6.5	
5	2123220094	Trịnh Văn	Cường	13/07/2005	CCQ2322C	01		7.0		3.2	5.1	8.9	6.6	
6	2123270072	Cải Phan Thành	Đạt	20/07/2005	CCQ2327C						0.0		Cấm thi	
7	2123270104	Nguyễn Thị Thúy	Đoà	17/02/2003	CCQ2327C	01		6.8		8.5	7.7	8.7	8.1	
8	2123270110	Nguyễn Vũ Thành	Đôn	03/11/2005	CCQ2327D								Cấm thi	
9	2123220069	Lữ Thu	Hà	02/07/2005	CCQ2322B	02		5.8		6.6	6.2	8.4	7.1	
10	2123270102	Nguyễn Thị Kim	Hân	12/08/2005	CCQ2327C	04		6.2		6.7	6.5	8.2	7.2	
11	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005	CCQ2322C	02		8.3		8.2	8.3	9.0	8.6	
12	2123270141	Trần Minh	Hiền	23/05/2004	CCQ2327C	04		5.9		7.3	6.6	8.4	7.3	
13	2123270078	Trương Thị	Hoa	05/05/2005	CCQ2327C	02		6.7		4.0	5.4	8.0	6.4	
14	2123220044	Lê Quốc	Hưng	05/09/2004	CCQ2322B	04		7.1		9.1	8.1	7.5	7.9	
15	2123220086	Lê Thanh	Huy	28/07/2005	CCQ2322C	04		9.6		9.3	9.5	9.4	9.5	
16	2123220099	Trần Thanh	Huy	28/10/2004	CCQ2322C	01		7.6		7.0	7.3	8.5	7.8	
17	2123270084	Võ Phạm Như	Huỳnh	30/11/2005	CCQ2327C	02		5.4		4.6	5.0	6.4	5.6	
18	2123220049	Trần Minh	Khôi	10/12/2005	CCQ2322B	04		5.9		6.1	6.0	7.5	6.6	
19	2123220096	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	18/05/2005	CCQ2322C	02		6.4		6.1	6.3	8.8	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 2
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viễn chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003110)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 21

Phòng thi: B108

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: 174-25

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123270073	Ngô Thị Thúy	Kiều	08/11/2005	CCQ2327C	04		5.7		8.8	7.3	8.1	7.6	
21	2123220066	Đỗ Hoàng	Lâm	27/10/2004	CCQ2322B									Cấm thi
22	2123270089	Nguyễn Thanh	Lâm	05/03/2005	CCQ2327C									Cấm thi
23	2123270086	Vòng Mỹ	Linh	12/07/2005	CCQ2327C	03		6.5		5.8	6.2	7.0	6.5	
24	2123270093	Mai Huỳnh Bích	Loan	08/08/2004	CCQ2327C	01		5.3		5.0	5.2	7.3	6.0	
25	2123220072	Huỳnh Phước	Lộc	19/12/2005	CCQ2322B	03		5.8		3.4	4.6	8.4	6.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

A: 22
H: 02

Môn học: Anh văn 1 (224003110)

- Thi Viết

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 30

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 3A

Phòng thi: B109

Số tờ giấy thi: 3A

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 34

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D4-25

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Thư ký Lê Phan
Thủy Xuân

Cán bộ coi thi 2

Thư ký Lê Thị Tố Thi

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Thư ký Lê Thị Thanh Thủy

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Thư ký Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Thư ký Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Thư ký C. Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123270106	Nguyễn Thị Kiều Ly	15/06/2005	CCQ2327C	03		7.3		6.1	6.7	8.2	7.3	
2	2123270140	Trần Thị Tuyết Mai	08/08/2005	CCQ2327C	04		6.8		7.6	7.2	8.7	7.8	
3	2123220050	Nguyễn Xuân Mạnh	02/10/2003	CCQ2322B	04		6.8		7.4	7.1	6.5	6.9	
4	2123220098	Dương Tôn Thái Ngọc	10/03/2005	CCQ2322C	04		6.8		9.0	7.9	9.1	8.4	
5	2123270077	Nguyễn Khánh Nhật	12/12/2005	CCQ2327C	03		4.5		3.0	3.8	4.8	4.2	
6	2123270098	Phạm Thị Kim Oanh	14/11/2005	CCQ2327C	04		6.3		5.8	6.1	8.0	6.9	
7	2123220093	Lê Nguyễn Ngọc Phúc	18/05/2005	CCQ2322C	03		8.1		8.4	8.3	9.3	8.7	
8	2123220082	Đinh Tùng Quang	11/11/2005	CCQ2322C	02		7.7		9.0	8.4	9.3	8.8	
9	2123270117	Trịnh Dương Hoàng Tâm	06/01/2005	CCQ2327D	01		8.2		7.8	8.0	8.9	8.4	
10	2123270108	Phạm Thị Thắm	09/11/2005	CCQ2327D	01		6.9		8.1	7.5	8.3	7.8	
11	2123270087	Nguyễn Thanh Thảo	24/07/2005	CCQ2327C	01		5.3		6.3	5.8	7.9	6.6	
12	2123220084	Nguyễn Ngọc Thiện	15/10/2003	CCQ2322C	02		8.0		8.5	8.3	8.9	8.5	
13	2123220089	Trần Quốc Thịnh	02/08/2005	CCQ2322C	04		7.1		3.5	5.3	8.2	6.5	
14	2123270082	Nguyễn Thị Kim Thoa	26/12/2005	CCQ2327C	02		6.1		6.3	6.2	8.2	7.0	
15	2123220074	Trần Thái Trọng Toàn	01/01/2005	CCQ2322B	01		7.1		8.2	7.7	8.8	8.1	
16	2123270114	Nguyễn Thị Kiều Trâm	21/08/2005	CCQ2327D	02		7.0		7.3	7.2	7.8	7.4	
17	2123220055	Nguyễn Đăng Trinh	26/01/2004	CCQ2322B									Cấm thi
18	2123220085	Nguyễn Ngọc Trọng	20/10/2005	CCQ2322C	02		8.3		9.0	8.7	8.8	8.7	
19	2123270099	Nguyễn Thanh Tú	02/11/2005	CCQ2327C	01		7.5		5.4	6.5	7.8	7.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003110)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 24

Phòng thi: B109 Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 24

Phòng thi: D4-25 Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123270097	Đinh Văn	Tuấn	01/08/2005	CCQ2327C	02		6.4		00	3.2	6.7	4.6	
21	2123220091	Lê Đình Xuân	Việt	06/08/2005	CCQ2322C	01		5.3		7.6	6.5	7.6	6.9	
22	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	12/11/2005	CCQ2322C	03		7.1		9.1	8.1	8.7	8.3	
23	2123220088	Dương Trung	Vương	06/02/2001	CCQ2322C	03		8.5		8.9	8.7	9.2	8.9	
24	2123270096	Vân Ngọc Hạ	Vy	06/04/2005	CCQ2327C	04		7.8		7.8	7.8	9.0	8.3	
25	2123270105	Nguyễn Kim	Xoan	29/06/2005	CCQ2327C	03		8.0	Xoan	8.3	8.2	8.6	8.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

D: 22
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003111)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi: 23

Lu
Ng Hg Phuc

HM. Hùng

Ths. Trần Thị Di Hương

Phạm Văn Mạnh

Ngô Văn Châu

Ng T. P. Vũ

T. Mạnh

54

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140096	Dương Trần Chí Tài	Anh	21/11/2005	CCQ2314C	01		83		9.3	88	9.6	91	
2	2123140002	Nguyễn Hoài	Bảo	31/08/2005	CCQ2314A	02		74		6.7	71	6.5	69	
3	2123140092	Trần Như	Bảo	01/09/2005	CCQ2314C	03		65		7.9	72	9.1	80	
4	2123140091	Nguyễn Văn	Bình	29/03/2005	CCQ2314C	04		60		6.5	63	8.1	70	
5	2123140064	Nguyễn Công	Cương	01/02/2005	CCQ2314B	03		65		6.6	66	7.0	68	
6	2123220004	Huỳnh Thị	Đạt	12/12/2005	CCQ2322A	02		67		7.0	66	54	61	
7	2123220005	Nguyễn Đình	Đạt	19/05/2005	CCQ2322A	01		82		8.2	82	8.1	82	
8	2123140104	Nguyễn Trần Tấn	Đạt	27/02/2005	CCQ2314C	02		86		8.3	85	8.8	86	
9	2123140014	Triệu Trương	Đạt	12/02/2005	CCQ2314A	03		63		6.8	66	7.3	69	
10	2123140108	Trần Thanh	Diệp	20/02/2005	CCQ2314C	04		66		6.6	66	7.5	70	
11	2123140070	Lê Hữu Minh	Đức	14/12/2005	CCQ2314B	01		83		8.5	84	8.8	86	
12	2123140112	Nguyễn Thị	Dung	20/06/2004	CCQ2314C	02		44		5.7	51	6.3	56	
13	2123140058	Phạm Trường	Giang	29/11/2005	CCQ2314B	04		61		7.1	66	8.3	73	
14	2123220006	Nguyễn Dương Thanh	Hằng	25/10/2005	CCQ2322A	01		75		6.6	71	7.7	73	
15	2123140022	Lê Phúc	Hiền	21/09/2005	CCQ2314A	02		53		3.3	43	5.1	46	
16	2123140101	Vân Khải	Hoàn	02/09/2005	CCQ2314C	01		82		7.7	80	6.7	75	
17	2123140093	Trần Vũ	Hoàng	08/04/2005	CCQ2314C	04		96		8.5	91	9.1	91	
18	2123140018	Hoàng Khánh	Huy	10/11/2005	CCQ2314A							0.0		
19	2123140089	Võ Đăng	Huy	28/11/2005	CCQ2314C	03		76		7.7	77	9.4	84	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003111)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123140059	Dương Việt	Khải	01/12/2005	CCQ2314B	03	Khải	17	Khải	5.2	50	5.9	54	
21	2123220011	Dương Tuấn	Kiệt	01/10/2005	CCQ2322A	01	Tuấn	89	Tuấn	8.0	85	8.3	84	
22	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	18/07/2005	CCQ2314A	02	Hữu	78	Hữu	8.2	80	7.7	79	
23	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A									
24	2123140016	Thiệu Ngọc	Luân	20/03/2005	CCQ2314A	03	Luân	23	Luân	6.0	42	6.5	51	
25	2123140094	Lê Xuân Tuấn	Lực	17/10/2005	CCQ2314C	04	Tuấn	56	Tuấn	8.2	69	9.4	79	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Đ: 19
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Đ.T. Thuý

Cán bộ coi thi 2

Thái Thị Huyền

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

ThS. Trần Thị Ái Hương

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Ngô Ngọc Châu

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Nguyễn T. P. Linh

T. Mạnh

Môn học: Anh văn 1 (224003111)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 20

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 20

Phòng thi: D4-23

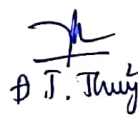
Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123140107	Nguyễn Hoài	Minh	16/02/2005	CCQ2314C	02	miên	70	miên	3.1	50	3.4	44	
2	2123140088	Lê Hữu	Nghĩa	21/11/2005	CCQ2314C	01	Mgĩa	86	Mgĩa	8.6	86	8.6	86	
3	2123140007	Nguyễn Đồng Đại	Nghĩa	21/06/2005	CCQ2314A							0.0		
4	2123140115	Đoàn Vũ Bảo	Nguyễn	16/04/2005	CCQ2314C	01	Nguyễn	67	Nguyễn	6.9	68	5.2	62	
5	2123140054	Bùi Văn	Như	08/09/2004	CCQ2314B	03	Như	74	Như	5.4	84	3.3	52	
6	2123140077	Dư Tấn	Phát	06/12/2005	CCQ2314C	01	Phat	82	Phat	8.1	82	7.3	78	
7	2123140086	Trần Văn	Phong	27/01/2005	CCQ2314C	03	Phong	74	Phong	7.8	76	8.2	78	
8	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	28/07/2005	CCQ2314C	03	Phu	84	Phu	8.2	88	10.0	90	
9	2123140080	Lê Tấn	Phước	25/09/2003	CCQ2314C									
10	2123140113	Nguyễn Văn Thái	Son	13/07/2005	CCQ2314C									
11	2123140098	Nguyễn Phi	Thanh	20/02/2005	CCQ2314C	04	Thanh	78	Thanh	7.0	74	4.8	64	
12	2123220009	Mai Hữu	Thành	11/04/2005	CCQ2322A	02	Ma	88	Ma	8.1	85	8.4	85	
13	2123140100	Trần Văn Phước	Thành	04/11/2005	CCQ2314C	04	Phu	81	Phu	8.5	83	8.9	85	
14	2123220010	Triệu Văn	Trãi	11/02/2005	CCQ2322A	02	Tri	77	Tri	8.0	79	8.2	80	
15	2123140060	Lê Quang	Triều	02/03/2005	CCQ2314B	04	Qu	87	Qu	4.4	41	6.4	50	
16	2123140072	Đoàn Nhật	Trương	16/11/2005	CCQ2314B	02	Truong	51	Truong	7.6	64	7.1	62	
17	2123140082	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	28/07/2005	CCQ2314C	04	Tuan	65	Tuan	7.7	71	6.0	67	
18	2123140090	Hoàng Minh	Tuệ	23/01/2005	CCQ2314C	03	Minh	63	Minh	5.6	60	6.3	61	
19	2123140075	Cai Văn	Vinh	29/07/2005	CCQ2314C	02	Cai	53	Cai	7.4	64	4.7	52	

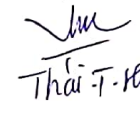
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

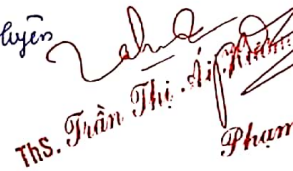
Cán bộ coi thi 1


Đ.T. Thuy

Cán bộ coi thi 2


Thai T. Huyen

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết


Ths. Trần Thị. Hiệp

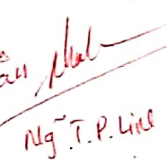
G.Viên chấm thi 2
Môn Viết


Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp


Nguyễn Ngọc Châu

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp


Ng T. P. Linh

Môn học: Anh văn 1 (224003111)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 20

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200584	Giang Công	Vinh	22/01/2005	CCQ2320G							0.0		
21	2123140097	Nguyễn Hoài	Vinh	12/01/2005	CCQ2314C	01	Vinh	8.1	Vinh	7.4	7.8	7.6	7.7	
22	2123140111	Tô Văn	Vũ	30/12/2005	CCQ2314C	03	Vũ	5.8	Vũ	6.4	6.1	6.2	6.1	
23	2123140057	Nguyễn Tấn	Vương	23/08/2005	CCQ2314B	01	Uuuu	7.6	Uuuu	7.6	7.6	8.4	7.9	
24	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	CCQ2314C							3.0		
25	2123200622	Nguyễn Thị Bích	Vy	29/05/2005	CCQ2320G	02	Bich Vy	9.3	Bich Vy	8.6	9.0	9.7	9.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003120)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D4-22

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110068	Trần Văn An	26/08/2005	CCQ2311B									
2	2123200499	Nguyễn Quốc Anh	02/11/2005	CCQ2320F	01	<i>Quoc Anh</i>	9.5	<i>Quoc Anh</i>	8.1	8.8	8.4	8.6	
3	2123110094	Huỳnh Gia Bảo	26/08/2005	CCQ2311C	01								
4	2123110056	Lê Trọng Bảo	06/11/2005	CCQ2311B	04	<i>B</i>	6.2	<i>L</i>	4.8	5.5	7.8	6.4	
5	2123110487	Phùng Đàm Duy	31/03/2005	CCQ2311C									
6	2123110073	Nguyễn Viết Huy	26/03/2005	CCQ2311C									
7	2123110092	Lê Hữu Đan	26/08/2005	CCQ2311C									
8	2123110470	Nguyễn Thị Mẫn	17/10/2005	CCQ2311A	03	<i>M</i>	6.7	<i>M</i>	6.4	6.6	6.8	6.7	
9	2123110021	Nguyễn Hoàng Gia	06/03/2005	CCQ2311A	01	<i>G</i>	8.3	<i>G</i>	5.0	6.6	8.4	7.4	
10	2123110086	Đỗ Nguyễn Diễm Hằng	19/02/2005	CCQ2311C									
11	2123110043	Bùi Quang Hào	25/11/2005	CCQ2311B	03	<i>u</i>	5.7	<i>u</i>	3.9	4.8	7.2	5.8	
12	2123110095	Phan Phước Hiếu	25/09/2005	CCQ2311C	02	<i>H</i>	6.1	<i>H</i>	7.7	6.9	7.9	7.3	
13	2123110009	Lưu Đức Hoà	27/11/2004	CCQ2311A	01	<i>H</i>	7.8	<i>H</i>	8.3	8.1	8.8	8.4	
14	2123110024	Hồ Minh Hoàng	20/05/2005	CCQ2311A	04	<i>H</i>	6.6	<i>H</i>	5.0	5.8	8.3	6.8	
15	2123110475	Nguyễn Phi Hùng	29/04/2005	CCQ2311B	04	<i>H</i>	7.1	<i>H</i>	8.9	8.0	7.7	7.9	
16	2123110032	Nguyễn Việt Hưng	14/12/2005	CCQ2311A	02	<i>V</i>	7.5	<i>V</i>	8.5	8.0	8.1	8.0	
17	2123110016	Nguyễn Viết Khoa	30/11/2005	CCQ2311A	01	<i>K</i>	7.8	<i>K</i>	7.1	7.5	8.6	7.9	
18	2123110058	Phạm Đăng Khoa	14/10/2005	CCQ2311B	04	<i>K</i>	6.0	<i>K</i>	8.2	7.1	8.3	7.6	
19	2123110067	Đỗ Quốc Kiệt	06/05/2005	CCQ2311B	01	<i>K</i>	7.8	<i>K</i>	7.7	7.6	8.9	8.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003120)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: DA-22

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110013	Thái Mộng	Kiều	21/08/2005	CCQ2311A	03		8.7		7.2	8.0	9.5	8.6	
21	2123110480	Phan Nhật	Lâm	14/07/2005	CCQ2311A	03		8.4		6.6	7.5	8.0	7.7	
22	2123110017	Mai Xuân	Lộc	18/10/2005	CCQ2311A	01		5.4		5.7	5.6	7.0	6.1	
23	2123110048	Vòng	Minh	23/04/2005	CCQ2311B	03		4.0		4.0	2.5	5.3	3.6	
24	2123110083	Ngô Nhật	Nam	19/03/2005	CCQ2311C									
25	2123110105	Võ Hoàng	Nam	13/05/2005	CCQ2311C	02		7.0		6.7	6.9	7.6	7.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

D: 22
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003120)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B204

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 2

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D4-22

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110103	Đỗ Nhật Nhân	17/06/2005	CCQ2311C	01								
2	2123110077	Cao Quang	02/09/2005	CCQ2311C	01		9.0		9.1	9.1	9.2	9.1	
3	2123110012	Trần Thị Hồng	08/09/1999	CCQ2311A	02	Nhung	8.9	Nhung	8.2	8.6	9.5	8.9	
4	2123110047	Hà Trần Trọng	12/09/2005	CCQ2311B									
5	2123110010	Võ Hồng	21/06/2001	CCQ2311A	04	Phúc	7.1	Phúc	8.3	7.7	8.2	7.9	
6	2123110046	Lê Võ Nhật	24/09/2005	CCQ2311B	01		7.2		8.0	7.6	9.3	8.3	
7	2123110459	Lê Hoàng	03/05/2005	CCQ2311B	01	Quang	8.0	Quang	7.8	7.9	8.9	8.3	
8	2123110102	Nguyễn Minh	14/02/2005	CCQ2311C	03	Quang	5.9	Quang	4.2	5.1	6.7	5.2	
9	2123110042	Trần Thị Kim	11/12/2005	CCQ2311B	04		8.6		7.9	8.3	9.7	8.8	
10	2123110038	Nguyễn Anh	18/03/2003	CCQ2311B	01	Quốc	8.5	Quốc	8.0	8.3	9.4	8.2	
11	2123110473	Bùi Thanh	07/08/2005	CCQ2311B	08	Tài	7.2	Tài	8.6	7.9	9.2	8.4	
12	2123110104	Nguyễn Hoài	02/01/2005	CCQ2311C	03	Lam	9.3	Lam	7.4	8.4	9.2	8.2	
13	2123110006	Trần Trọng	10/04/2004	CCQ2311A	04	100019	8.0	100019	6.0	7.0	9.4	8.0	
14	2123200416	Nguyễn Thị	06/03/2005	CCQ2320E	01	TB	6.3	TB	7.8	7.1	7.7	7.3	
15	2123110089	Nguyễn Thuận	21/09/2005	CCQ2311C	04	Thao	7.9	Thao	7.6	7.4	8.1	7.4	
16	2123110018	Đinh Công	29/10/2005	CCQ2311A	03	Thien	7.2	Thien	6.8	7.0	7.7	7.3	
17	2123110080	Nguyễn Thanh	29/01/2005	CCQ2311C	02	Thien	6.5	Thien	5.6	6.1	7.5	6.6	
18	2123110085	Nguyễn Tấn	05/10/2005	CCQ2311C	01	Thien	8.4	Thien	8.2	8.3	9.1	8.6	
19	2123110040	Nguyễn Văn	06/09/2005	CCQ2311B	04	Thien	7.7	Thien	7.5	7.6	8.0	7.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003120)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024 Số SV có mặt: 23.....

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 23.....

Phòng thi: B204 Số tờ giấy thi: 23.....

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01 Số SV có mặt: 23.....

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:
Phòng thi: 14-22 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Trần Thị
Văn Quỳnh

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Nguyễn
Đức Anh

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị
Thị Hương

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị
Thị Hương

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Thị
Thị Hương

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Thị
Thị Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110071	Nguyễn Thị Thu	Thùy	23/07/2005	CCQ2311B	03	<i>[Signature]</i>	6.7	<i>[Signature]</i>	6.5	6.6	8.1	7.2	
21	2123200437	Đặng Thị Kiều	Trình	22/09/2005	CCQ2320E	02	<i>[Signature]</i>	7.5	<i>[Signature]</i>	6.6	7.1	7.1	7.1	
22	2123200457	Trần Thị Ngọc	Trình	21/06/2005	CCQ2320E	03	<i>[Signature]</i>	5.2	<i>[Signature]</i>	6.6	5.9	8.7	7.0	
23	2123110082	Trần Thị Tú	Trình	23/08/2005	CCQ2311C	02	<i>[Signature]</i>	4.9	<i>[Signature]</i>	4.4	4.7	6.5	5.4	
24	2123200387	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20/06/2005	CCQ2320E	03	<i>[Signature]</i>	4.9	<i>[Signature]</i>	6.3	5.6	7.6	6.4	
25	2123110106	Phạm Thái	Vy	26/08/2004	CCQ2311C	04	<i>[Signature]</i>	4.5	<i>[Signature]</i>	2.4	3.3	6.4	4.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003123)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D4-21

Số SV có mặt: 20

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110135	Phạm Đức	Anh	22/03/2005	CCQ2311D	01		6.6		7.7	7.2	9.0	7.9	
2	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	CCQ2311E	02		8.6		8.9	8.8	9.5	9.1	
3	2123110115	Nguyễn Phước Gia	Bin	09/01/2005	CCQ2311D	03		8.3		4.7	6.5	6.4	6.5	✓
4	2123110117	Huỳnh Tấn	Bo	31/03/2004	CCQ2311D							0.3		
5	2123110134	Nguyễn Thành	Công	21/02/2005	CCQ2311D	04		5.4		4.8	5.1	7.6	6.1	
6	2123110209	Trương Quốc	Đạt	15/06/2005	CCQ2311F	01		6.4		8.6	7.5	8.2	7.8	
7	2123110212	Võ Thành	Đạt	09/06/2005	CCQ2311F	02		7.8		8.9	8.4	9.2	8.7	
8	2123110210	Trần Văn	Đoàn	09/02/2005	CCQ2311F	04		2.9		5.4	4.2	5.7	4.8	
9	2123110139	Lưu Công Tuấn	Em	16/01/2005	CCQ2311D	03		5.8		3.5	4.7	8.3	6.1	
10	2123110184	Nguyễn Đình Trường	Giang	08/01/2005	CCQ2311F	04		7.5		8.6	8.1	7.1	7.7	
11	2123110161	Nguyễn Vũ	Hiệp	03/03/2005	CCQ2311E	01		7.6		5.0	6.3	8.8	7.3	
12	2123110208	Lê Văn	Hiếu	11/09/2005	CCQ2311F	02		5.9		3.0	4.5	7.9	5.9	
13	2123110113	Triệu Trung	Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A	03		7.6		4.3	6.0	6.0	6.0	
14	2123110125	Lê Thanh	Hồ	30/07/2005	CCQ2311D							3.3		
15	2123110194	Ngô Thanh	Hoài	08/02/2001	CCQ2311F	04		8.3		8.5	8.4	6.9	7.8	
16	2123110122	Nguyễn Minh	Hoàng	02/06/2004	CCQ2311D	01		8.0		6.6	7.3	8.3	7.7	
17	2123110111	Thạch Ngọc Minh	Hoàng	06/12/2005	CCQ2311D	03		6.4		5.0	5.7	8.4	6.8	
18	2123110172	Nguyễn Trọng	Hưng	18/05/2001	CCQ2311E	02		9.3		8.5	8.9	8.3	8.7	
19	2123110164	Nguyễn Phan Gia	Huy	13/06/2005	CCQ2311E									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003123)

- **Thi Viết:**

Ngày thi: 22/01/2024 Số SV có mặt: 20...

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 20...

Phòng thi: B205 Số tờ giấy thi: 20...

- **Thi Văn đáp:**

Ngày thi: 22/01 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: 124-21 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1: *Như*
Cán bộ coi thi 2: *Bùi Trọng Viên*

G.Viên chấm thi 1 Môn Viết: *Nguyễn N. Châu*
G.Viên chấm thi 2 Môn Viết: *Đỗ Thị Thanh Thủy*
G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: *Phạm Văn Đạt*
G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: *Nguyễn Minh Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110155	Nguyễn Quang	Huy	02/05/2005	CCQ2311E	03	<i>H</i>	8.2	<i>H</i>	58	70	8.5	76	
21	2123110471	Trần Ngọc	Huy	25/08/2004	CCQ2311F									
22	2123110188	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	17/10/2005	CCQ2311F	04	<i>H</i>	9.2	<i>H</i>	84	88	9.9	92	
23	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	CCQ2311F	01	<i>H</i>	9.3	<i>H</i>	74	84	9.7	89	
24	2123110180	Trần Trung	Kiên	15/06/2005	CCQ2311E	02	<i>T</i>	9.0	<i>T</i>	52	71	8.6	77	
25	2123110109	Nguyễn Văn	Lâm	11/02/2005	CCQ2311D									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

H: 0
D: 23

Môn học: Anh văn 1 (224003123)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23

Phòng thi: B206

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110504	Hồ Mậu Hoàng	Long	06/10/2005	CCQ2311D	02		9.2		94	93	9.8	95	
2	2123110204	Trần Thị Diễm	My	22/09/2005	CCQ2311F	03		8.1		80	81	9.4	86	
3	2123110156	Dương Văn	Nam	05/04/2005	CCQ2311E	04		7.9		87	83	9.1	86	
4	2123110170	Nguyễn Đình	Nam	24/05/2005	CCQ2311E	01		7.7		75				
5	2123110503	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	03/12/2005	CCQ2311D	02		7.0		87	79	9.1	84	
6	2123110176	Trần Thị Mộng	Ngân	20/06/2005	CCQ2311E	03	Ngân	6.9	Ngân	77	73	9.1	80	
7	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	CCQ2311F	04		6.6		79	73	9.5	82	
8	2123110177	Biện Văn	Nhân	16/02/2005	CCQ2311E	01	Nhân	6.4	Nhân	80	72	8.6	78	
9	2123110206	Lê Mỹ	Nhân	13/04/2005	CCQ2311F	02	Nhân	4.6	Nhân	57	52	7.5	61	
10	2123110181	Trần Tiến	Phát	15/06/2005	CCQ2311F	03	Phát	6.2	Phát	68	65	9.0	75	
11	2123110118	Lê Quang	Phúc	18/09/2005	CCQ2311D	04	Phúc	6.6	Phúc	78	72	8.4	77	
12	2123110107	Hồ Sĩ	Quý	31/10/2005	CCQ2311D	01	Quý	7.6	Quý	73	75	8.5	79	
13	2123110200	Trần Hoàng	Thanh	01/12/2005	CCQ2311F							2.7		
14	2123110174	Ung Thị Thanh	Thảo	06/11/2005	CCQ2311E	02	thảo	8.7	thảo	92	90	9.0	90	
15	2123110120	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Trâm	26/04/2005	CCQ2311D	03	Trâm	5.6	Trâm	72	64	8.3	72	
16	2123110130	Lê Nguyễn Thuý	Trang	28/04/2005	CCQ2311D	04	trang	6.0	trang	62	61	9.1	73	
17	2123110137	Trương Minh	Trí	30/09/2005	CCQ2311D	01	Trí	5.8	Trí	51	55	8.3	66	
18	2123110160	La Quang	Triệu	25/03/2005	CCQ2311E	02	triệu	9.3	triệu	91	92	9.5	93	
19	2123110119	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/03/2005	CCQ2311D	03	Trúc	6.5	Trúc	72	69	8.6	76	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003123)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45 Số bài thi: 23

Phòng thi: B206 Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/01

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D4-21

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

[Handwritten signatures and initials]

[Handwritten signature]
Nguyễn Châu

[Handwritten signature]
Đỗ Thị Thanh Thủy

[Handwritten signature]
Phạm Văn

[Handwritten signature]
Nguyễn Minh Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110165	Lâm Văn	Trường	13/05/2005	CCQ2311E	04	<i>[Signature]</i>	3.0	<i>[Signature]</i>	20	25	8.7	50	
21	2123110167	Nguyễn Trúc	Trường	23/08/2005	CCQ2311E	01	<i>[Signature]</i>	5.6	<i>[Signature]</i>	40	53	8.1	64	
22	2123110162	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	04/11/2005	CCQ2311E	02	<i>[Signature]</i>	5.4	<i>[Signature]</i>	50	52	7.1	60	
23	2123110481	Võ Văn Ngọc	Tý	03/11/2005	CCQ2311E									
24	2123110178	Lê Thanh Phi	Vũ	27/09/2004	CCQ2311E	03	<i>[Signature]</i>	9.1	<i>[Signature]</i>	91	91	9.5	93	
25	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thảo	Vy	20/11/2005	CCQ2311E	04	<i>[Signature]</i>	5.5	<i>[Signature]</i>	85	70	9.1	78	

D. 16

H. 0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003126)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 16

Phòng thi: B207

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 16

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi: 16

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110243	Nguyễn Bảo	An	16/10/2005	CCQ2311G									
2	2123110258	Thành Ninh	Bình	31/10/2004	CCQ2311H	02	Bu	5,0	Bu	87	6,9	5,9	6,5	
3	2123110276	Hà Vũ	Đông	08/10/2003	CCQ2311H	01	Phạm Vũ	8,3	Phạm Vũ	85	8,4	8,1	8,3	
4	2123110266	Vũ Trọng	Đức	13/08/2005	CCQ2311H							0,0	Cấm thi	
5	2123110226	Nguyễn Tuấn Vũ	Duy	12/10/2005	CCQ2311G	03	Du	9,1	Du	92	9,2	9,8	9,4	
6	2123110255	Dương Hồng	Hải	16/05/2005	CCQ2311H								Cấm thi	
7	2123110269	Võ Nguyễn Khắc	Hải	15/09/2004	CCQ2311H								Cấm thi	
8	2123110317	Nguyễn Dư Gia	Hân	03/11/2004	CCQ2311I	04	Nb	87	Nb	91	8,9	9,2	9,0	
9	2123110292	Cao Thanh	Hậu	07/10/2005	CCQ2311I	03	HT	7,6	HT	89	8,3	8,9	8,5	
10	2123110283	Phạm Văn Công	Hoà	08/03/2005	CCQ2311H								Cấm thi	
11	2123110265	Hồ Văn	Hùng	01/10/2005	CCQ2311H	01	SV	5,8	SV	47	5,3	6,6	5,8	
12	2123110217	Nguyễn Đức	Huy	17/07/2005	CCQ2311G	04	Hu	6,4	Hu	84	7,4	8,6	7,9	
13	2123110250	Vũ Hoàng	Huy	19/12/2005	CCQ2311G	03	Hu	7,3	Hu	68	7,1	6,6	6,9	
14	2123110293	Lê Đức Anh	Khoa	02/10/2005	CCQ2311I						0	2,0		
15	2123110220	Nguyễn Hoàng Đăng	Khôi	25/09/2005	CCQ2311G	01	Kh	6,3	Kh	88	5,1	5,8	5,4	
16	2123110274	Phan Đình Trung	Kiến	28/09/2005	CCQ2311H									
17	2123110476	Trịnh Phương	Linh	25/04/2005	CCQ2311H	03	Tr	7,2	Tr	93	8,3	9,4	8,7	
18	2123110291	Trần Văn	Luân	05/01/2005	CCQ2311I	02	Tr	5,2	Tr	60	5,6	6,9	6,1	
19	2123110379	Phạm Nguyễn Anh	Minh	15/09/2005	CCQ2311H								Cấm thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003126)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 16

Phòng thi: B207

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 16

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi: 16

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110297	Phan Anh	Minh	26/01/2005	CCQ2311H	01		9,1		88	9,0	7,9	8,6	
21	2123110281	Nguyễn Hữu	Nghĩa	03/05/2004	CCQ2311H	04		3,8		67	5,3	7,9	6,3	
22	2123110322	Nguyễn Thống	Nhất	13/12/2005	CCQ2311I	03		4,9		80	6,5	7,1	6,7	
23	2123110244	Giang Minh	Nhật	22/04/2004	CCQ2311G	02		8,1		66	7,4	9,0	8,0	
24	2123110242	Hoàng Tuấn	Nhật	02/12/2005	CCQ2311G	01		6,4		54	5,9	7,5	6,5	
25	2123110307	Lê Hoàng	Nhi	20/03/2005	CCQ2311I						/	3,3	/	

Đ: 22
H: 03

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003126)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 45

Phòng thi: B208

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 10h30

Số bài thi: 45

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi: 45

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110314	Hồ Thị Bích	Nhung	26/03/2005	CCQ2311I	04	0	5.2	71	6.2	8.0	6.9	
2	2123110230	Ngô Tấn	Phát	19/02/2005	CCQ2311G	01	1	4.3	47	4.5	7.7	5.8	
3	2123110256	Lê Đức	Phúc	07/06/2005	CCQ2311H	04	0	6.8	91	8.0	9.1	8.4	
4	2123110223	Nguyễn Huỳnh	Phúc	12/10/2004	CCQ2311G	01	Phuc	8.6	96	8.8	9.5	9.1	
5	2123110236	Trần Hữu	Phước	19/07/2005	CCQ2311G	03	Phu	9.5	95	9.5	9.8	9.6	
6	2123110309	Lưu Nhật	Qua	20/04/2004	CCQ2311I	01	02	8.8	88	8.8	9.6	9.1	
7	2123110219	Tạ Văn Hoài	Sung	01/04/2005	CCQ2311G	03	0	7.6	92	8.4	9.2	8.7	
8	2123110261	Nguyễn Hữu	Tài	06/06/2005	CCQ2311H	02	Tai	8.2	82	8.2	7.7	8.0	
9	2123110284	Tạ Vũ Chiến	Thắng	12/02/2005	CCQ2311H	07	0	7.3	48	6.1	7.1	6.5	
10	2123110313	Lê Minh	Thành	06/10/2005	CCQ2311I	02	0	8.4	79	8.2	8.4	8.3	
11	2123110316	Lê Huỳnh	Thiệp	25/03/2005	CCQ2311I	04	0	8.9	60	7.5	7.3	7.4	
12	2123110319	Nguyễn Minh	Thư	07/08/2005	CCQ2311I	02	Thư	4.9	69	5.9	7.7	6.6	
13	2123110228	Phạm Thị Cẩm	Tiên	03/03/2005	CCQ2311G	09	Tiên	6.4	71	6.8	9.2	7.8	
14	2123110324	Trịnh Thị Thuý	Trang	17/01/2005	CCQ2311I	03	Trang	6.1	88	7.5	6.6	7.1	
15	2123110302	Ngô Minh	Trí	08/05/2005	CCQ2311I	02	Trí	9.3	89	9.1	9.3	9.2	
16	2123110192	Nguyễn Hoàng Khánh	Triệu	01/08/2005	CCQ2311F	03	0	7.7	71	7.4	7.0	7.2	
17	2123110251	Nguyễn Thanh	Trúc	25/11/2005	CCQ2311H	02	Trúc	5.6	75	6.6	7.5	7.0	
18	2123110303	Đặng Quốc	Trung	25/12/2005	CCQ2311I	04	Trung	6.5	86	7.6	8.8	8.1	
19	2123110227	Nguyễn Đức	Trung	26/11/2005	CCQ2311G	01	Trung	8.3	87	8.5	9.3	8.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003126)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 23...

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 23...

Phòng thi: B208

Số tờ giấy thi: 23...

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Số SV có mặt: 22...

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D4-21

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110260	Lương Thanh	Tú	01/08/2004	CCQ2311H	04		6,7		6,9	6,8	9,4	7,8	
21	2123110310	Tôn Quốc	Tuấn	11/11/2005	CCQ2311I	01		7,0		8,1	7,6	9,3	8,3	
22	2123110288	Nguyễn Anh	Việt	17/10/2005	CCQ2311I						0	5,5	2,2	
23	2123110239	Đặng Duy	Vũ	22/06/2005	CCQ2311G	01		6,3			0	4,3	1,7	
24	2123110231	Nguyễn Tuấn	Vũ	12/12/2005	CCQ2311G	04		8,5		8,7	8,6	9,3	8,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003133)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D4-23

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170011	Bùi Quốc Bảo	18/02/2004	CCQ2317A									
2	2123170064	Nguyễn Quốc Bảo	17/08/2005	CCQ2317B	02	Bảo	6,7	Bảo	6,3	6,5	8,3	7,2	
3	2123170169	Nguyễn Tấn Bảo	17/04/2005	CCQ2317E	03	Bảo	7,6	Bảo	8,0	7,8	8,6	8,1	
4	2123170036	Võ Duy Bảo	12/04/2005	CCQ2317B	04	Bảo	8,9	Bảo	8,0	8,5	8,9	8,7	
5	2123170657	Tạ Ngọc Dũng	30/05/2005	CCQ2317B	01	Dũng	5,7	Dũng	5,6	5,7	3,6	4,9	
6	2123170185	Phan Hoàng Tuấn Duy	22/11/2005	CCQ2317F	02	Duy	4,0	Duy	0	2,0	3,5	2,6	
7	2123270135	Trần Mỹ Duyên	22/03/2005	CCQ2327D	03	Mỹ	6,3	Mỹ	4,8	5,6	6,3	5,9	
8	2123170551	Võ Hoàng Hà	22/03/2005	CCQ2317P							0,3		
9	2123170644	Đinh Thanh Hải	12/09/2005	CCQ2317B	01	Hải	5,8	Hải	5,0	5,4	5,5	5,4	
10	2123170031	Huỳnh Văn Hải	08/07/2005	CCQ2317A	02	Hải	5,2	Hải	0	2,6	4,1	3,2	
11	2123170553	Vòng Nhật Hào	31/01/2004	CCQ2317P	03	Hào	6,7	Hào	6,3	6,5	7,7	7,0	
12	2123170556	Vũ Quý Hiếu	28/10/2005	CCQ2317P	04	Hiếu	8,6	Hiếu	6,2	7,4	9,2	8,1	
13	2123170160	Lê Thanh Hòa	26/06/2005	CCQ2317E									
14	2123170191	Nguyễn Hải Hưng	25/02/2004	CCQ2317F							0,0		
15	2123170179	Kiều Tuấn Huy	11/05/2005	CCQ2317F	03	Huy	6,6	Huy	5,2	5,9	7,3	6,5	
16	2123170035	Nguyễn Huy	15/02/2005	CCQ2317A	01	Huy	4,2	Huy	5,2	4,7	4,8	4,7	
17	2123170204	Nguyễn Thanh Huy	26/11/2005	CCQ2317F	04	Huy	6,0	Huy	5,2	5,6	6,8	6,1	
18	2123170157	Phan Huynh	27/10/2005	CCQ2317E	01	Huynh	5,1	Huynh	6,2	5,7	7,0	6,2	
19	2123170558	Nguyễn Chí Kha	10/07/2005	CCQ2317P	09	Kha	7,7	Kha	0	3,9	5,5	4,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003133)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 20

Phòng thi: B209

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 20

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1

Đỗ Phụng Vy

Cán bộ coi thi 2

P.V. Sơn

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Văn

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Thị Linh

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170172	Bùi Anh	Khoa	27/01/2005	CCQ2317E	03	Khoa	4,4	Khoa	4,2	4,3	7.2	5,5	
21	2123170062	Hồ Đăng	Khoa	19/12/2004	CCQ2317B	04	Khoa	7.0	Khoa	7,8	7,4	6.1	6,9	
22	2123170049	Phạm Lê Anh	Khoa	03/02/2005	CCQ2317B	02	Phạm Lê Anh	7.4	Phạm Lê Anh	7,8	7,6	8.6	8,0	
23	2123170023	Lê Hải	Kiên	14/01/2005	CCQ2317A									
24	2123170033	Nguyễn Thái Hoàng	Long	25/03/2002	CCQ2317A	02	Long	6,7	Long	6,2	6,5	6.7	6,6	
25	2123170545	Nguyễn Đặng Ngọc	Mạnh	22/01/2005	CCQ2317P	01	Mạnh	7,4	Mạnh	5,4	6,4	8.0	7.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (224003133)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/01

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D4-23

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170543	Kiều Thi	Na	22/03/2005	CCQ2317P	02		5.1		5.2	5.2	7.6	6.2	
2	2123170037	Lê Trọng	Nghĩa	14/03/2005	CCQ2317B	03		7.2		5.7	6.5	7.6	6.9	
3	2123170055	Bùi Thái	Nguyễn	29/11/2005	CCQ2317B	04		7.4		6.5	7.0	9.2	7.9	
4	2123170168	Nguyễn Duy	Nguyễn	22/03/2005	CCQ2317E	01		6.3		5.9	6.1	7.8	6.8	
5	2123170541	Phạm Văn	Nhân	12/11/2005	CCQ2317P	02		4.4		4.5	4.5	7.1	5.5	
6	2123170151	Võ Văn	Phong	25/05/2005	CCQ2317E	03		4.5		4.7	4.6	6.6	5.4	
7	2123170555	Nguyễn Hữu Minh	Phúc	29/10/2002	CCQ2317P	04		10.0		8.5	9.3	9.7	9.5	
8	2123170018	Nguyễn Trọng	Phúc	05/07/2005	CCQ2317A							2.8		
9	2123170068	Nguyễn Đình	Quy	31/07/2005	CCQ2317B									
10	2123270134	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	22/12/2004	CCQ2327B							0.0		
11	2123170148	Võ Phi	Sơn	13/08/2005	CCQ2317E							0.4		
12	2123170040	Nguyễn Đức	Sự	02/04/2005	CCQ2317B	01		7.1		7.9	7.5	9.2	8.2	
13	2123170144	Nguyễn Thiện	Tám	27/09/2005	CCQ2317E	02		6.2		5.2	5.7	6.6	6.1	
14	2123170561	Lưu Trọng	Tấn	06/04/2005	CCQ2317P	03		3.2		0	1.6	5.5	3.2	
15	2123170155	Dương Tấn	Thanh	02/12/2005	CCQ2317E							0.0		
16	2123170536	Lương Văn	Thịnh	18/10/2005	CCQ2317P	01		4.7		5.5	5.1	8.5	6.5	
17	2123170024	Vương Nguyễn Trường	Thịnh	08/03/2005	CCQ2317A	02		7.9		7.2	7.6	6.5	7.2	
18	2123170010	Phạm Hữu	Thuận	02/01/2001	CCQ2317A							0.2		
19	2123170057	Lương Nhật	Tiến	08/12/2005	CCQ2317B	04		8.1		6.3	7.2	8.8	7.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (224003133)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/01/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/01

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 18

Phòng thi: D4-23

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120684	Nguyễn Đào Hoàng Trần	Trần	12/12/2005	CCQ2312L	A1-01		9,3		7,5	8,1	8,3	8,1	
21	2123270142	Trần Thị Thuý	Trang	15/11/2005	CCQ2327D	02	Trang	5,4	Trang	8,0	6,7	6,5	6,6	
22	2123170020	Nguyễn Hoài	Việt	17/05/2005	CCQ2317A	01	Việt					0,5		
23	2123170554	Bùi Thanh	Vương	24/01/2004	CCQ2317P		Vương							
24	2123270136	Phạm Tường	Vy	18/10/2005	CCQ2327D	01	Vy	5,8	Vy	3,1	4,5	6,9	5,5	
25	2123170043	Nguyễn Thanh	Vỹ	20/10/2005	CCQ2317B	02	Vỹ	6,0	Vỹ	5,4	5,7	8,5	6,8	